

Phụ lục VI

DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI VÀ TĂNG CƯỜNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ GIAI ĐOẠN 2026-2035, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	HOẠT ĐỘNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ DỰ KIẾN	Đơn vị tính	Định mức	LỘ TRÌNH THỰC HIỆN																Ghi chú	Căn cứ CHI		
					Giai đoạn 2026-2030												Giai đoạn 2030-2035		Tổng số					
					Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Cộng giai đoạn 2026-2030		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền				
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền								
I	Hoạt động Nâng cao nhận thức – Truyền thông																							
1	Trang trí trường, lớp học bằng song ngữ	1,931 trường có hệ thống biển tên trường, khẩu hiệu, bảng chỉ dẫn ... bằng song ngữ	trường	60	245	14.700	245	14.700	245	14.700	245	14.700	245	14.700	245	14.700	1.225	73.500	706	42.360	1.931	115.860	Các CSGD MN đến GDTX	Chi theo thực tế; Dự kiến có: Biển tên trường; các bảng chỉ dẫn, khẩu hiệu trong khuôn viên trường; các khẩu hiệu trong lớp học.
2	Tổ chức hội nghị về đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, dạy học tiếng Anh, dạy và học bằng tiếng Anh, dạy và học các ngoại ngữ khác và các nội dung liên quan	30 hội nghị	lần	200	3	600	3	600	3	600	3	600	3	600	15	3.000	15	3.000	30	6.000	CBQL, GV các CSGD - UB cấp xã, cơ quan tỉnh	NQ 18/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của HĐND tỉnh Phú Thọ; TT 40/2017 và TT 12/2025 của Bộ Tài chính. TT 40/2017/TT-BTC và văn bản sửa đổi TT 12/2025/TT-BTC		
II	Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai và dạy - học các ngoại ngữ khác trong các cơ sở giáo dục																							
1	Hỗ trợ cho giáo viên tự đào tạo, thi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt (tương đương từ 7.0 trở lên)	Hỗ trợ được 500 người	người	40	50	2.000	50	2.000	50	2.000	50	2.000	50	2.000	250	10.000	250	10.000	500	20.000	Triển khai theo thực tế	TT 100/2025/TT-BTC; NQ 18/2025/NQ-HĐND của tỉnh và TT 40/2017/TT-BTC.		
2	Thu hút sinh viên tốt nghiệp chính quy loại xuất sắc, loại giỏi ĐHSP dạy Toán, KHTN bằng tiếng Anh	Thu hút được 500 người	người	506	50	25.307	50	25.307	50	25.307	50	25.307	50	25.307	250	126.536	250	126.536	500	253.071	Triển khai theo thực tế	NĐ 179/2024/NĐ-CP về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng (thay thế NĐ 140/2017).		
3	Thu hút, tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, loại giỏi ĐHSP dạy tiếng Anh và các ngoại ngữ khác	Thu hút, tuyển dụng được 500 người	người	506	50	25.307	50	25.307	50	25.307	50	25.307	50	25.307	250	126.536	250	126.536	500	253.071	Triển khai theo thực tế	NĐ 179/2024/NĐ-CP về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng (thay thế NĐ 140/2017).		
4	Hỗ trợ giáo viên dạy môn học/ hoạt động giáo dục khác bằng tiếng Anh	Hỗ trợ được 7,080 người	người	20	708	14.160	708	14.160	708	14.160	708	14.160	708	14.160	3.540	70.800	3.540	70.800	7.080	141.600	Triển khai theo thực tế			

STT	HOẠT ĐỘNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ DỰ KIẾN	Đơn vị tính	Định mức	LỘ TRÌNH THỰC HIỆN																Ghi chú	Căn cứ CHI			
					Giai đoạn 2026-2030												Giai đoạn 2030-2035		Tổng số						
					Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Cộng giai đoạn 2026-2030		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền					
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền									
III	Phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh, giáo viên dạy ngoại ngữ khác và dạy bằng tiếng Anh, bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về chất lượng																								
1	Khảo sát, đánh giá năng lực tiếng Anh đối với CBQL, giáo viên tiếng Anh, giáo viên môn Toán, giáo viên các môn KHTN, Công nghệ, Tin học các cấp học	26,227 CBQL, giáo viên được đánh giá năng lực tiếng Anh	người	3	2.623	7.869	2.623	7.869	2.623	7.869	2.623	7.869	2.623	7.869	13.115	39.345	13.112	39.336	26.227	78.681		CSGD MN đến GDTX	NQ 33/2025/NQ-HĐND của tỉnh và TT 69/2021/TT-BTC.		
2	Bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho CBQL, giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học khác bằng tiếng Anh các cấp học																								TT 100/2025/TT-BTC; NQ 18/2025/NQ-HĐND của tỉnh và TT 40/2017/TT-BTC.
2.1	Giáo viên tiếng Anh																								
	Mầm non	568 lượt giáo viên được bồi dưỡng	lượt	20	28	560	28	560	28	560	28	560	30	600	142	2.840	426	8.520	568	11.360					
	Phổ thông và GDTX	7,234 lượt giáo viên được bồi dưỡng	lượt	20	723	14.460	723	14.460	723	14.460	723	14.460	725	14.500	3.617	72.340	3.617	72.340	7.234	144.680					
2.2	Giáo viên các môn khác																								
	Mầm non	852 lượt giáo viên được bồi dưỡng	lượt	20	42	840	42	840	42	840	42	840	45	900	213	4.260	639	12.780	852	17.040					
	Phổ thông và GDTX	5,998 lượt giáo viên được bồi dưỡng	lượt	20	599	11.980	599	11.980	599	11.980	599	11.980	603	12.060	2.999	59.980	2.999	59.980	5.998	119.960					
2.3	Bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho CBQL																								
	Mầm non	852 CBQL được bồi dưỡng	người	20	42	840	42	840	42	840	42	840	45	900	213	4.260	639	12.780	852	17.040		Các trường			
	Phổ thông và GDTX	2,352 CBQL được bồi dưỡng	người	20	198	3.960	198	3.960	198	3.960	198	3.960	201	4.020	993	19.860	1.359	27.180	2.352	47.040		triển khai ĐA			
3	Bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giáo viên tiếng Anh, giáo viên dạy các môn học khác bằng tiếng Anh																								TT 100/2025/TT-BTC; NQ 18/2025/NQ-HĐND của tỉnh và TT 40/2017/TT-BTC.
3.1	Giáo viên tiếng Anh:																								
	Mầm non	568 lượt giáo viên được bồi dưỡng	lượt	15	28	420	28	420	28	420	28	420	30	450	142	2.130	426	6.390	568	8.520					

STT	HOẠT ĐỘNG ĐỀ XUẤT		KẾT QUẢ DỰ KIẾN	Đơn vị tính	Định mức	LỘ TRÌNH THỰC HIỆN																Ghi chú	Căn cứ CHI
						Giai đoạn 2026-2030											Giai đoạn 2030-2035		Tổng số				
						Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Cộng giai đoạn 2026-2030		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền		
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền						
		Phổ thông và GDTX	7,234 lượt giáo viên được bồi dưỡng	lượt	15	723	10.845	723	10.845	723	10.845	723	10.845	725	10.875	3.617	54.255	3.617	54.255	7.234	108.510		
	3.2	GV dạy các môn học khác bằng tiếng Anh:																					
		Mầm non	852 lượt giáo viên được bồi dưỡng	lượt	15	42	630	42	630	42	630	42	630	45	675	213	3.195	639	9.585	852	12.780		
		Phổ thông và GDTX	5,998 lượt giáo viên được bồi dưỡng	lượt	15	599	8.985	599	8.985	599	8.985	599	8.985	603	9.045	2.999	44.985	2.999	44.985	5.998	89.970		
	4	Bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên tiếng Anh ở nước ngoài	500 giáo viên được bồi dưỡng	người	250	50	12.500	50	12.500	50	12.500	50	12.500	50	12.500	250	62.500	250	62.500	500	125.000	Triển khai theo thực tế	TT 100/2025/TT-BTC TT 140/2025/TT-BTC
	5	Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên dạy các môn học khác bằng tiếng Anh ở nước ngoài	500 giáo viên được bồi dưỡng	người	250	50	12.500	50	12.500	50	12.500	50	12.500	50	12.500	250	62.500	250	62.500	500	125.000	Triển khai theo thực tế	TT 100/2025/TT-BTC; TT 140/2025/TT-BTC
IV	Xây dựng và triển khai chương trình, học liệu phục vụ dạy học tiếng anh, dạy học bằng tiếng Anh																						
	1	Xây dựng, hoàn thiện chương trình dạy học bằng tiếng Anh đối với các môn Toán, KHTN, Công nghệ, Tin học ...phù hợp với từng cấp học và điều kiện thực tế	32 chương trình, nội dung môn học đang dạy bằng tiếng Việt được tiếng Anh hóa	chương trình	2.000	1	2.000	3	6.000	4	8.000	4	8.000	4	8.000	16	32.000	16	32.000	32	64.000	Triển khai theo thực tế	
V	Đổi mới phương pháp dạy học, phương thức thi, kiểm tra, đánh giá, đẩy mạnh xây dựng môi trường tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai và dạy - học các ngoại ngữ khác trong trường học																						
	1	Tổ chức khảo sát, kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Anh, các ngoại ngữ khác đối với học sinh phổ thông, GDTX trên hệ thống thi trực tuyến	20 đợt khảo sát, kiểm tra, đánh giá	Đợt	2.000	2	4.000	2	4.000	2	4.000	2	4.000	2	4.000	10	20.000	10	20.000	20	40.000	Triển khai theo thực tế	NQ 33/2025/NQ-HĐND của tỉnh và TT 69/2021/TT-BTC.
	2	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, dữ liệu thi môn tiếng Anh, các ngoại ngữ khác và các môn học khác học bằng tiếng Anh	10 ngân hàng đề thi	Ngân hàng đề thi	2.000	1	2.000	1	2.000	1	2.000	1	2.000	1	2.000	5	10.000	5	10.000	10	20.000		NQ 33/2025/NQ-HĐND của tỉnh và TT 69/2021/TT-BTC.

STT	HOẠT ĐỘNG ĐỀ XUẤT		KẾT QUẢ DỰ KIẾN	Đơn vị tính	Định mức	LỘ TRÌNH THỰC HIỆN																Ghi chú	Căn cứ CHI
						Giai đoạn 2026-2030											Giai đoạn 2030-2035		Tổng số				
						Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Cộng giai đoạn 2026-2030		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền		
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền						
3	Tập huấn giáo viên về đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, tổ chức các hoạt động đẩy mạnh xây dựng môi trường tiếng Anh, đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai và dạy - học các ngoại ngữ khác trong trường học		20 đợt tập huấn	Đợt	2.000	2	2.000	2	2.000	2	2.000	2	2.000	2	2.000	10	20.000	10	20.000	20	40.000		NQ 18/2025/NQ-HĐND; TT 40/2017 và TT 12/2025 của Bộ Tài chính.
VI		Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo (AI), tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm chất lượng cho phát triển hoạt động giáo dục, dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, ưu tiên cho khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn																					
1	Đầu tư thiết bị phòng học thông minh																						NĐ 73/2019/NĐ-CP, TT 12/2020/TT-BTTTT, TT 03/2020/TT-BTTTT.
	Mầm non		568 phòng có thiết bị dạy học thông minh	phòng	503	28	14.095	28	14.095	28	14.095	28	14.095	30	15.102	142	71.483	426	214.448	568	285.930	Triển khai theo thực tế	
	Phổ thông và GDTX		1.568 phòng có thiết bị dạy học thông minh	phòng	503	132	66.449	132	66.449	132	66.449	132	66.449	134	67.455	662	333.249	906	456.079	1.568	789.328	Triển khai theo thực tế	
2	Xây dựng hệ thống phần mềm, ứng dụng hỗ trợ dạy học tiếng Anh, dạy - học các ngoại ngữ khác và dạy học các môn học khác bằng tiếng Anh		01 hệ thống	Hệ thống	1.200	0		1	1.200	0		0		0		1	1.200	1	1.200	2	2.400		NĐ 73/2019/NĐ-CP, TT 12/2020/TT-BTTTT, TT 03/2020/TT-BTTTT.
VII		Tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh xã hội hoá trong nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, dạy - học các ngoại ngữ khác và dạy học các môn học khác bằng tiếng Anh, tổ chức các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh																					
1	Hỗ trợ xây dựng đơn vị điển hình về đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học		200 đơn vị điển hình	Trường	100	10	1.000	20	2.000	20	2.000	20	2.000	30	3.000	100	10.000	100	10.000	200	20.000	Triển khai theo thực tế	
2	Tổ chức các cuộc thi, hội thi bằng tiếng Anh và các ngoại ngữ khác cho học sinh các bậc học		40 cuộc thi cho học sinh tiểu học, THCS, THPT	Cuộc	1.000	4	4.000	4	4.000	4	4.000	4	4.000	4	4.000	20	20.000	20	20.000	40	40.000		NQ 33/2025/NQ-HĐND của tỉnh và TT 69/2021/TT-BTC.

STT	HOẠT ĐỘNG ĐỀ XUẤT	KẾT QUẢ DỰ KIẾN	Đơn vị tính	Định mức	LỘ TRÌNH THỰC HIỆN																Ghi chú	Căn cứ CHI	
					Giai đoạn 2026-2030												Giai đoạn 2030-2035		Tổng số				
					Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Cộng giai đoạn 2026-2030		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền							
VIII	Phát động phong trào thi đua, khen thưởng thiết thực, hiệu quả, làm động lực thúc đẩy triển khai Đề án																						
1	Khen thưởng, tuyên dương các mô hình, địa phương, đơn vị, các nhân sáng tạo trong tổ chức triển khai Đề án																						Thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng và các thủ tục do UBND tỉnh công bố; tham khảo danh mục, quy trình tại QĐ 882/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 và QĐ 607/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của tỉnh Phú Thọ.
	Mầm non	5 đơn vị, cá nhân được khen thưởng, tuyên dương	Cá nhân, đơn vị	10	4	40	4	40	4	40	4	40	4	40	20	200	20	200	40	400	Triển khai theo thực tế		
	Phổ thông và GDTX	20 đơn vị, cá nhân được khen thưởng, tuyên dương	Cá nhân, đơn vị	10	20	200	20	200	20	200	20	200	20	200	100	1.000	100	1.000	200	2.000	Triển khai theo thực tế		
	Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục đại học	5 đơn vị, cá nhân được khen thưởng, tuyên dương	Cá nhân, đơn vị	10	1	10	1	10	1	10	1	10	1	10	5	50	5	50	10	100	Triển khai theo thực tế		
	Xã, phường	20 đơn vị, cá nhân được khen thưởng, tuyên dương	Cá nhân, đơn vị	10	4	40	4	40	4	40	4	40	4	40	20	200	20	200	40	400	Triển khai theo thực tế		
Tổng số					7.062	264.297	7.075	270.497	7.075	271.297	7.075	271.297	7.117	274.815	35.404	1.362.203	37.622	1.637.538	73.026	2.999.741			